

# CERAN XM 220



Mỡ bôi trơn



Mỡ Phức Calcium Sulfonate chịu nhiệt cao, kháng nước và chịu cực áp **“THẾ HỆ MỚI”**

## Ứng Dụng

Mỡ đa dụng kháng nước chịu tải nặng

Cho các ứng dụng chịu tải và đập trong các ngành công nghiệp thậm chí ở các môi trường khắc nghiệt (nước, bụi, nhiệt độ cao)

- CERAN XM 220 là loại mỡ **“THẾ HỆ MỚI”** với phức calcium sunfonate được chế tạo đặc biệt bởi Total. Sản phẩm này tăng cường đặc tính chống nước, chịu tải, chịu nhiệt và chống ăn mòn trong khi vẫn giữ được khả năng bơm và bôi trơn tốt trong trường hợp tốc độ cao.
- CERAN XM 220 cũng thích hợp bôi trơn cho tất cả các chi tiết chịu tải cao, va đập, làm việc trong các điều kiện nơi có nước thường xuyên tiếp xúc với mỡ (thậm chí với nước biển do hiệu suất tăng cường chống gỉ)
- CERAN XM 220 thích hợp bôi trơn cho quá trình đúc liên tục và xưởng cán trong nhà máy thép, bạc đạn ở khu vực ướt và khô của nhà máy giấy và tất cả các ứng dụng công nghiệp hoạt động dưới các điều kiện khắc nghiệt (ẩm ướt, chịu tải, chịu nhiệt cao, bụi bẩn...)
- CERAN XM 220 thích hợp sử dụng cho hệ thống bôi trơn trung tâm
- Luôn luôn tránh làm bẩn mỡ do bụi bẩn và/hoặc bụi đất khi tra mỡ. Ưu tiên sử dụng hệ thống bơm hơi.

## Đặc Điểm Kỹ Thuật

- ISO 6743-9: L-XBFBH 1/2
- DIN 51 502: KP1/2R-30
- Tiêu chuẩn DCSEA 360 A liên quan đến khả năng chống nước biển của mỡ theo NATO G -460

## Ưu Điểm

Mỡ đa dụng

Chịu tải và đập

Chịu nước

Chống ăn mòn

**THẾ HỆ MỚI**  
cho phép sử dụng ở tốc độ cao

Không chứa các thành phần gây hại

- Loại mỡ **“THẾ HỆ MỚI”** với phức calcium sunfonate được chế tạo đặc biệt bởi Total cho phép CERAN XM 220 làm việc tốt với các bạc đạn với tốc độ cao. CERAN XM 220 thể hiện hiệu suất xuất sắc thậm chí ở tốc độ cao nơi sản phẩm **“THẾ HỆ MỚI”** này mang đến các lợi ích trong việc chống ăn mòn, kéo dài tuổi thọ bạc đạn, chịu tải trọng cao và chịu nhiệt cao
- Khả năng chống ôxi hóa và chống ăn mòn nhờ vào phức calcium sunfonate ngay khi có sự hiện diện của nước biển
- Loại mỡ **“THẾ HỆ MỚI”** với phức calcium sunfonate cho phép giữ vững hiệu suất cao của CERAN XM 220 ngay cả ở tốc độ cao nơi mà các loại mỡ có phức polyurea và lithum thường được yêu cầu.
- CERAN XM 220 không chứa chì, hoặc các kim loại nặng khác gây nguy hại cho sức khỏe và môi trường.

TOTAL VIỆT NAM

14-09-2018 (thay cho phiên bản 12-06-2018)

CERAN XM 220

1/2

Mỡ này khi được sử dụng theo khuyến nghị của chúng tôi và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn sản phẩm tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam [www.quick-fds.com](http://www.quick-fds.com).



**TOTAL**

| Các Đặc Tính Tiêu Biểu                               | Phương Pháp                           | Đơn Vị                   | CERAN XM 220<br>(giá trị tiêu biểu) |
|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| Xà phòng / Chất làm đặc                              |                                       | -                        | Calcium Sulfonate                   |
| Phân loại NLGI                                       | ASTM D 217/DIN 51 818                 | -                        | 1/2                                 |
| Màu                                                  | Bằng mắt                              | -                        | Nâu                                 |
| Sự thể hiện                                          | Bằng mắt                              | -                        | Mịn/Dính                            |
| Nhiệt độ làm việc                                    |                                       | °C                       | - 30 đến 180                        |
| Độ nhớt dầu gốc ở 40°C                               | ASTM D 445/DIN 51 562-1/ISO 3104/IP71 | mm <sup>2</sup> /s (cSt) | 220                                 |
| <b><u>Ổn định cơ khí</u></b>                         |                                       |                          |                                     |
| Độ xuyên kim ở 25°C                                  | ASTM D 217/DIN51 818                  | 0.1 mm                   | 280 - 310                           |
| Độ xuyên kim sau 100.000 chu kì                      | ISO 2137                              | 0.1 mm                   | +8                                  |
| Thử vỡ trụ lặn 100 giờ ở 80°C                        | ASTM D 1831                           | 0.1 mm                   | -8                                  |
| Thử vỡ trụ lặn 100 giờ ở 80°C +10 % nước             | ASTM D 1831                           | 0.1 mm                   | -12                                 |
| <b><u>Ổn định nhiệt</u></b>                          |                                       |                          |                                     |
| Điểm nhỏ giọt                                        | IP 396                                | °C                       | >300                                |
| Sự thoát dầu sau 50 giờ, 100°C                       | ASTM D 6184                           | %                        | 1.4                                 |
| Sự thoát dầu sau 168 giờ, 40°C                       | NF T 60 191                           | %                        | 1.05                                |
| Ổn định oxy hóa ở 99°C +/- 0.5°C                     |                                       |                          |                                     |
| Áp lực giảm sau 100 giờ                              | ASTM D 942                            | Psi                      | 4                                   |
| Áp lực giảm sau 500 giờ                              |                                       | Psi                      | 13.5                                |
| <b><u>Đặc tính chống gỉ</u></b>                      |                                       |                          |                                     |
| EMCOR, nước được chưng cất                           | ISO 11007                             | Mức                      | 0-0                                 |
| EMCOR, nước biển tổng hợp                            | ISO 11007                             | Mức                      | 0-0                                 |
| Ăn mòn đồng, 24 giờ ở 100°C                          | ASTM D 4048                           | Mức                      | 1b                                  |
| <b><u>Đặc tính chống ăn mòn và chi u c ực áp</u></b> |                                       |                          |                                     |
| Mài mòn 4 bi (đường kính mòn)                        | ASTM D2266                            | Mm                       | 0.37                                |
| Tải hàn dính 4 bi                                    | ASTM D2596                            | kgf                      | >400                                |
| <b><u>Đặc tính ở nhiệt độ thấp</u></b>               |                                       |                          |                                     |
| Độ xuyên kim ở -20°C                                 | ISO 13737                             | 0.1 mm                   | 160                                 |
| Áp lực chảy ở -20°C                                  | DIN 51 805                            | mbar                     | 560                                 |
| Áp lực chảy ở 1400 mbar                              | DIN 51 805                            | °C                       | -30                                 |
| Momen xoắn ở -20°C                                   |                                       |                          |                                     |
| Bắt đầu momen xoắn                                   | ASTM D 1478                           | g.cm                     | 2600                                |
| Sau 1 giờ                                            |                                       | g.cm                     | 460                                 |

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình dùng làm thông tin tham khảo

**TOTAL VIỆT NAM**

14-09-2018 (thay cho phiên bản 12-16-2018)

CERAN XM 220

2/2

Mỡ này khi được sử dụng theo khuyến nghị của chúng tôi và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào. Bản đặc tính an toàn sản phẩm tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam [www.quick-fds.com](http://www.quick-fds.com).

